

Số: 22/2024/QĐCNTTLH

Na Hang, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn V.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện nhận ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc “*Kiến tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” của người khởi kiện chị Nguyễn Thị L.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 8 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện: Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn V. (Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 16/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 01/8/2009 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2024 đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Năng Khả.
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Quỳnh